

Bản án số: **65/2018/DS-ST**

Ngày: 23/5/2018

*“V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN N DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thế Trang Đền.

Các Hội thẩm N dân: 1. Ông Nguyễn Văn Bé
2. Ông Trần Văn Ân

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Hiền – Thư ký Toà án N dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 23 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Toà án N dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2018/TLST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2018/QĐXX-DS ngày 16/4/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn N, sinh năm: 1977; Địa chỉ: Ấp Phú Điền, xã Thuận Điền, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1960; Anh Võ Thành T, sinh năm: 1983; chị Võ Thị Thùy D, sinh năm: 1984; Địa chỉ: Ấp 3, xã T Lợi Thạnh, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông N và bà H có mặt; anh T và chị D vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi của nguyên đơn ngày 07/3/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Trần Văn N trình bày:

Ông có hợp đồng mua bán thức ăn với bà Nguyễn Thị H và anh Võ Thành T, bà Võ Thị Thùy D từ năm 2015. Hai bên hợp đồng miệng. Hình thức hợp đồng là ông cung cấp thức ăn nuôi heo cho bà H, anh T, chị D đến khi xuất chuồng thì bà H, anh T, chị D trả tiền thức ăn cho ông theo từng đợt bán heo. Thời gian đầu hai bên mua bán với nhau khá suông sẻ, bà H và anh T, chị D cũng trả tiền thức ăn gỏi đầu cho ông. Đến ngày 13/12/2017 thì bà H, anh T, chị D thiếu ông số tiền tổng cộng là 580.909.000 đồng, sau đó bà H, anh T, chị D có hứa với ông là đến ngày 25/12/2017 sẽ trả cho ông số tiền là 100.000.000 đồng nhưng đến ngày hẹn, bà H, anh T và chị D không trả đúng hẹn. Ông có đến đòi nhiều lần nhưng không được nên ông chấm dứt hợp đồng, ông không bán thức ăn cho gia đình bà H nữa.

Ngày 02/3/2017, ngày 27/5/2017, ngày 03/02/2018 anh T chị D có viết nhiều giấy hẹn trả nợ hứa trả dần nhưng vẫn không thực hiện.

Sau khi ông đi khởi kiện thì anh T và chị D có trả cho ông 100.000.000 đồng. Hiện còn số nợ là 480.909.000 đồng (*Bốn trăm tám mươi triệu chín trăm lẻ chín nghìn*).

Tại phiên tòa, ông N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị H và anh Võ Thành T, bà Võ Thị Thùy D có trách nhiệm trả cho ông số tiền mua bán thức ăn còn nợ là 480.909.000 đồng, ông không yêu cầu tính lãi.

Trong bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Võ Thành T trình bày:

Anh thống nhất với ý kiến của ông N về việc hai bên có hợp đồng mua bán thức ăn gia súc. Do việc chăn nuôi thua lỗ nên gia đình anh không có khả năng thanh toán tiền thức ăn đầy đủ cho ông N. Tính đến thời điểm hiện tại thì anh thừa nhận còn nợ của ông N số tiền 480.909.000 đồng và đồng ý có trách nhiệm trả cho ông N số tiền này nhưng xin trả dần cứ mỗi năm trả một lần số tiền là 50.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà H đồng ý bà và các con của bà còn tH và đồng ý trả cho ông N số tiền là 480.909.000 đồng nhưng do hoàn cảnh của gia đình bà hiện nay gặp khó khăn, không có khả năng trả một lần, bà xin trả dần cứ mỗi năm trả một lần số tiền là 50.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. *Về tố tụng:* anh Võ Thành T, chị Võ Thị Thùy D là đồng bị đơn trong vụ án được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh T và chị D.

2. Về nội dung vụ án:

Do có quen biết với nhau nên giữa ông Trần Văn N và gia đình bà Nguyễn Thị H, anh Võ Thành T, chị Võ Thị Thùy D có thỏa thuận giao dịch với nhau về việc mua bán thức ăn gia súc, cụ thể như sau:

Vào khoảng năm 2015, ông N và gia đình bà H, anh T và chị Thùy D bắt đầu mua bán thức ăn chăn nuôi heo. Hai bên hợp đồng miệng và cùng thỏa thuận với nhau, ông N cung cấp thức ăn cho bà H và anh T, chị D, đến khi heo xuất chuồng thì bà H và anh T, chị D trả hết tiền nợ thức ăn cho ông N. Hai bên thực hiện hợp đồng theo hình thức gởi đầu. Mỗi lần giao thức ăn cho bà H và anh T, chị D thì hai bên đều có ghi sổ theo dõi số lượng bao thức ăn, ngày giao và số nợ. Quá trình thực hiện hợp đồng: Hai bên mua bán thức ăn đến ngày 13/12/2017 thì bà H, anh T, chị D thiếu ông N số tiền tổng cộng là 580.909.000 đồng, sau đó bà H, anh T, chị D có hứa với ông N là đến ngày 25/12/2017 sẽ trả cho ông N số tiền là 100.000.000 đồng nhưng đến ngày hẹn, bà H, anh T và chị D không trả đúng hẹn. Ông N có đến đòi nhiều lần nhưng không được nên ông N chấm dứt hợp đồng, ông N không bán thức ăn cho gia đình bà H nữa.

Ngày 02/3/2017, ngày 27/5/2017, ngày 03/02/2018 bà H, anh T, chị D có viết nhiều giấy hẹn trả nợ hứa trả dần nhưng vẫn không thực hiện. Sau khi ông N đi khởi kiện thì anh T và chị D có trả cho ông 100.000.000 đồng. Hiện còn số nợ là 480.909.000 đồng. Đến nay, do đòi nhiều lần nhưng bà H, anh T và chị D không trả tiếp cho ông N nên ông N khởi kiện yêu cầu bà H anh T, chị D phải trả nợ cho ông N số tiền là 480.909.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông N và bà H thống nhất hiện tại bà H và anh T, chị D còn nợ của ông N số tiền là 480.909.000 đồng và đồng ý trả số tiền nợ này cho ông N. Như vậy, xét thấy đây là hợp đồng mua bán thức ăn mà căn cứ vào việc xác nhận nợ tiền thức ăn của ông N, bà H, anh T và chị D ký nhận, bà H cũng thừa nhận còn nợ của ông N số tiền là 480.909.000 đồng.

Ông N cho rằng nhiều lần ông N đòi nợ nhưng bà H và anh T, chị D không tiếp tục thực hiện việc trả nợ như hợp đồng nên bà H và anh T, chị D đã vi phạm hợp đồng, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông N, xét thấy yêu cầu của ông N là phù hợp nên chấp nhận, cần buộc bà H và anh T, chị D phải có trách nhiệm thanh toán số tiền mua thức ăn của ông N là 480.909.000 đồng.

Bà H và anh T vẫn đồng ý còn nợ và đồng ý trả số tiền mua thức ăn cho ông N là 480.909.000 đồng nhưng bà H và anh T cho rằng do làm ăn thua lỗ, gia đình bà H không thể trả số tiền nợ cho ông N một lần mà xin trả dần cứ mỗi năm là 50.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ là không phù hợp với quy định của pháp luật. Mặt khác, ông N không đồng ý nên không chấp nhận yêu cầu của bà H và anh T, chị D.

Về lãi suất: Ông N không yêu cầu tính lãi. Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện của ông N nên Hội đồng xét xử không xem xét về lãi suất.

Từ những phân tích trên, cần buộc bà Nguyễn Thị H và anh Võ Thành T, chị Võ Thị Thùy D phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông Trần Văn N số tiền nợ của việc mua bán thức ăn là 480.909.000 đồng (*Bốn trăm tám mươi triệu chín trăm lẻ chín nghìn đồng*).

Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị H và anh Võ Thành T, chị Võ Thị Thùy D có trách nhiệm liên đới phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là 23.236.360 đồng (*Hai mươi ba triệu hai trăm ba mươi sáu nghìn ba trăm sáu mươi đồng*).

Do yêu cầu của ông Trần Văn N được chấp nhận nên ông Trần Văn N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho ông N số tiền tạm ứng án phí ông N đã nộp là 13.618.000 đồng (*Mười ba triệu sáu trăm mười tám nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0015281 ngày 07/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 430, 440 Bộ luật dân sự; Điều 147; khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Trần Văn N về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị H và anh Võ Thành T, chị Võ Thị Thùy D có trách nhiệm liên đới trả cho ông Trần Văn N số tiền nợ mua bán thức ăn là 480.909.000 đồng (*Bốn trăm tám mươi triệu chín trăm lẻ chín nghìn đồng*)

2. Buộc bà Nguyễn Thị H và anh Võ Thành T, chị Võ Thị Thùy D có trách nhiệm liên đới trả cho ông Trần Văn N số tiền là 480.909.000 đồng (*Bốn trăm tám mươi triệu chín trăm lẻ chín nghìn đồng*)

3. Bác yêu cầu của bà Nguyễn Thị H và anh Võ Thành T, chị Võ Thị Thùy D về việc xin trả dần mỗi năm là 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) cho ông N.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông Trần Văn N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị H và anh Võ Thành T, chị Võ Thị Thùy D chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền như án tuyên thì hàng tháng bà H, anh T, chị D còn phải trả cho ông N số tiền lãi đối với khoản nợ gốc theo Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thị H và anh Võ Thành T, chị Võ Thị Thùy D liên đới phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là 23.236.360 đồng (*Hai mươi ba triệu hai trăm ba mươi sáu nghìn ba trăm sáu mươi đồng*).

Hoàn lại cho ông N số tiền tạm ứng án phí ông N đã nộp là 13.618.000 đồng (*Mười ba triệu sáu trăm mười tám nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0015281 ngày 07/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Trong thời hạn 15 ngày kể: Đối với nguyên đơn có mặt tại tòa thì kể từ ngày tuyên án; Đối với bị đơn vắng mặt tại tòa thì kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại trụ sở Ủy Ban N dân xã nơi cư trú của bị đơn có quyền kháng cáo đối với bản án này để yêu cầu Tòa án N dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Thế Trang Đền